

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2022/DS-ST

Ngày: 20-9-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba.

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Chị **Hồ Thị N**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 82, Ô 2, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền công chứng số 6190 ngày 29/8/2022)

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, chị Th có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/5/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày:

- Chị Th có tham gia các dây hụi do chị T làm chủ hụi:

+ Dây 1: Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 20/12/2020 âm lịch, **mãn 20/8/2022 âm lịch** có 21 phần, chị Th tham gia 2 phần, chị Th đã hốt 2 phần ngay kỳ khai hụi đầu tiên với số tiền 92.000.000 đồng, chị Th đã đóng được 12 kỳ hụi chết. Đến ngày 20/4/2022 âm lịch, chị Th nợ 4 kỳ hụi chết với số tiền 3.000.000 đồng x 04 kỳ x 02 phần = 24.000.000 đồng.

+ Dây 2: Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 18/10/2021 âm lịch, mãn ngày 18/5/2023 âm lịch, hụi 21 phần, chị Th tham gia 01 phần, chị Th hốt kỳ đầu tiên ngày 18/10/2021 âm lịch với số tiền 50.000.000, chị Th đóng được 4 kỳ hụi chết, tính đến ngày 18/4/2022 âm lịch chị Th nợ 02 kỳ hụi chết x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Đồng thời chị T yêu cầu chị Th trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ theo quy định của Nhà nước với lãi suất 0,83%/tháng, đến ngày xét xử, tạm tính:

Cụ thể:

- Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 20/12/2020 âm lịch, tạm tính lãi từ ngày 20/12/2021 âm lịch đến ngày 20/4/2022 âm lịch: 24.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 tháng = 796.800 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 18/10/2021 âm lịch, tạm tính lãi từ ngày 18/3/2022 âm lịch đến 18/4/2022 âm lịch: 6.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng = 49.800 đồng.

Tổng cộng vốn nợ hụi và lãi là 30.846.600 đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi đối với tiền nợ hụi và bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu trả tiền hụi đến thời điểm xét xử. Đối với dây 1 đã mãn hụi với số tiền nợ là 45.000.000 đồng, dây 2 chưa mãn, nợ 6 kỳ hụi chết chưa đóng là 18.000.000 đồng. Tổng cộng 63.000.000 đồng.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Năm 2020 chị T có cho chị góp ngày là 70.000.000 đồng và cho chị mượn 30.000.000 đồng trả lãi hàng tháng. Đến hết một năm, chị T chuyển sang hụi cho chị 2 dây hụi như chị T trình bày. Do dịch bệnh không buôn bán được nên chị mới không đóng hụi chết nữa cho chị T, chị có xin chị T trả dần và tự thỏa thuận bên ngoài nhưng chị T không đồng ý mà kiện. Nay chị vẫn đồng ý trả số tiền chị T yêu cầu nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng vì chị còn nợ nhiều người, không điều kiện trả 01 lần.

Tại phiên tòa, chị T đồng ý trả tiền hụi chết còn nợ đối với 02 dây hụi mà chị Th yêu cầu là 30.000.000 đồng và không đồng ý trả phần bổ sung của đại diện ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa.

* Các đương sự không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Việc góp hụi giữa chị T và chị Th tuy không lập hợp đồng nhưng hai bên đều thừa nhận chị Th có tham góp hụi do chị T làm chủ và chị Th thừa nhận có ký các biên nhận hụi chị T cung cấp. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Th thống nhất số tiền nợ hụi chị T yêu cầu lúc khởi kiện và đồng ý trả tiền nợ hụi nhưng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên chị Th xin được trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng. Việc xin trả dần của chị Th ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị T không đồng ý cho chị Th trả dần nên không cơ sở để chấp nhận. Đối với yêu cầu bổ sung tại tòa với số tiền 33.000.000 đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị không chấp nhận, việc rút yêu cầu tính lãi là tự nguyện nên đình chỉ. Từ đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ hụi và bị đơn đang cư trú tại ấp Tân Tỉnh, xã S, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng góp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị T cho rằng chị Th tham gia 2 dây hụi do chị T làm chủ hụi. Quá trình chơi hụi chị Th có hốt hụi và đóng hụi chết nhưng đóng không đầy đủ đối với dây hụi ngày 20/12/2020 âm lịch chị Th đóng đến kỳ 20/12/2021 âm lịch thì ngưng đóng, dây hụi ngày 18/10/2021 âm lịch đóng đến kỳ 18/02/2022 âm lịch thì ngưng đóng. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu chị Th trả tiền nợ hụi đến thời điểm xét xử với tổng số tiền 63.000.000 đồng (thời điểm khởi kiện 30.000.000 đồng, bổ sung tại tòa 33.000.000 đồng), không yêu cầu

tính lãi. Chị Th đồng ý trả tiền nợ hụi với số tiền 30.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh điều kiện khó khăn nên chị xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của chị T và ý kiến của chị Th:

[4.1] Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu: đối với dây hụi khai ngày 20/12/2020 âm lịch đến thời điểm xét xử đã mãn hụi nên nguyên đơn yêu cầu chị Th trả hết là 45.000.000 đồng (bổ sung 21.000.000 đồng), dây hụi khai ngày 18/10/2021 âm lịch đến thời điểm xét xử chưa mãn hụi nhưng số tiền nợ là 18.000.000 đồng (bổ sung 12.000.000 đồng). Xét thấy, yêu cầu này của phía nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Nguyên đơn được quyền khởi kiện bằng vụ án khác nếu có tranh chấp. Đồng thời, tại tòa phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi. Xét đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn, không trái quy định pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4.2] Về số tiền nợ: Chị T và chị Th thừa nhận khi góp hụi hai bên không có lập hợp đồng góp hụi nhưng hai bên thống nhất chị T có tham gia hai dây hụi với thời gian khai, số phần chị Th tham gia, kỳ hốt hụi, kỳ hụi chết chị Th đã đóng. Lời thừa nhận của các đương sự phù hợp giấy giao hụi mà nguyên đơn đã cung cấp, chị Th thừa nhận có ký giấy giao hụi. Chị Th cho rằng do dịch bệnh, chị không buôn bán được nên không đóng hụi chết tiếp cho chị T. Xét thấy, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên là *“Tiếp tục góp các phần hụi để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hụi trong trường hợp đã lĩnh hụi trước thành viên khác”* theo Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, biếu, phùng. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu chị Th trả cho chị số tiền nợ hụi mà chị Th vi phạm là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật. Cụ thể số tiền nợ hụi theo yêu cầu như sau:

[4.2.1] Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 20/12/2020 âm lịch, mãn hụi 20/8/2022 âm lịch: Hai bên thống nhất dây hụi này chị Th tham gia 2 phần đóng được 12 kỳ hụi chết, kỳ nộp cuối là 20/12/2021. Đến ngày 20/4/2022 âm lịch chị Th nợ 04 kỳ x 02 phần x 3.000.000 đồng = 24.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất số tiền này và chị Th đồng ý trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.2] Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 18/10/2021 âm lịch, mãn hụi ngày 18/5/2023 âm lịch: Hai bên thống nhất dây hụi này chị Th tham gia 01 phần đóng được 04 kỳ hụi chết, kỳ nộp cuối là 18/02/2022. Đến ngày 18/4/2022 âm lịch chị Th nợ 02 kỳ x 01 phần x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất số tiền này và chị Th đồng ý trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về phương thức trả nợ: Chị Th đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng nhưng xin khi trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng vì hiện tại chị còn nợ rất nhiều

người và hoàn cảnh khó khăn. Xét thấy, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại quyền lợi của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của chị Th nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Th trả chị T 30.000.000 đồng tiền hội.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên chị Th phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 288, Điều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T.

Buộc chị Nguyễn Thị Th trả cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền nợ hội 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị Phương T.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Phương T 772.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024888 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 20/9/2022, có mặt chị N, vắng mặt chị Th.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyên